

**TOÀ ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-PT
Ngày 02-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 5**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 2// Bùi Đình Tráng;

Các Thẩm phán: - 3// Nguyễn Thanh Tùng;
- 2// Phan Hồng Chính.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Nguyễn Văn Huy, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu

5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 5 tham gia phiên tòa: 3// Trần Sĩ Nam, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 5 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLPT-HS ngày 21 tháng 2 năm 2019 đối với bị cáo Hà Thị Minh H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án quân sự khu vực 2, Quân khu 5.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hà Thị Minh H, sinh ngày 03/5/1987 tại, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 238 Huỳnh Thúc K, tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Hữu Th và bà Nguyễn Thị H3; chồng là Nguyễn Thanh H1, có 01 con sinh 2010, 01 con riêng sinh 4/2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 12/10/1984 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; cấp bậc, chức vụ đơn vị khi phạm tội: 1/ QNCN, nhân viên quân sự địa phương, Ban chỉ huy quân sự huyện C, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh K; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T và bà Vũ Thị L; có vợ là Hà Thị Minh H và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 01/2016/HSST ngày 15/01/2016 bị Tòa án quân sự Quân khu 5 xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999; đang chấp hành án tại Trại giam quân sự Khu vực Miền Trung, Quân khu 5; có mặt.

- Người bào chữa: Luật sư Lê Văn A, thuộc Văn Phòng Luật sư Lê Văn Anh, Đoàn Luật sư Thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho bị cáo Hà Thị Minh H; có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1971 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Trần U, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Trọng T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Hà Thị Minh H2, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 173, đường Lê Hồng P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, vợ chồng bị cáo Hà Thị Minh H, Nguyễn Thanh H1 quen biết Trần Thành L1, là người yêu của Hà Thị Minh H2 - em gái bị cáo H. L1 làm bảo vệ tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, do vợ chồng H xin; do công việc không ổn định, lương thấp nên L1 có ý định về Đà Nẵng. Biết được ý định của L1, vợ chồng bị cáo H hỏi L1 với nội dung: Nếu muốn đi học Trung cấp Hải quân để phục vụ Quân đội lâu dài thì anh chị giúp, chi phí hết 150.000.000 đồng gia đình em lo; L1 gọi điện thoại trao đổi với mẹ là Nguyễn Thị Ngọc Tr.

Vợ chồng chị Tr bàn và thống nhất bỏ ra 150.000.000 đồng để lo việc cho L1, nhưng phải vào nhà vợ chồng H, H1 hỏi cụ thể như thế nào.

Khoảng cuối tháng 5 năm 2013, chị Tr cùng chồng vào nhà của vợ chồng H, khi ngồi ăn cơm tại nhà của vợ chồng H (có L1 và H2), H nói với chị Tr, anh U: Vợ chồng H có nhiều mối quan hệ quen biết có thể lo cho L1 đi nghĩa vụ quân sự sau đó đi học Trường Trung cấp Hải quân chi phí quan hệ là 150.000.000 đồng, đưa trước một nửa, sau khi nhập học thì đưa hết số tiền còn lại. Nghe H nói vậy, chị Tr hỏi lại H1; H1 khẳng định: Có thể lo cho L1 đi nghĩa vụ quân sự rồi đi học Trung cấp Hải quân ở lại làm bộ đội chuyên nghiệp, nhưng phải chi phí quan hệ 150.000.000 đồng. Vợ chồng chị Tr đồng ý và giao trước cho H 20.000.000 đồng (không viết giấy biên nhận), số tiền còn lại hai bên thỏa thuận sẽ chuyển qua tài khoản của H. Sau đó, H1 trực tiếp điện thoại hướng dẫn anh U làm thủ tục cắt khẩu L1 nhập vào gia đình H1; tháng 9 năm 2013 L1 nhập ngũ vào Vùng 4 Hải quân.

Chị Tr chuyển tiền vào tài khoản của H 03 lần vào các ngày 17/6/2013, 20/8/2013 và 14/10/2013, với số tiền tương ứng là 10.000.000 đồng, 50.000.000 đồng và 50.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã nhận của chị Tr là 130.000.000 đồng.

Chị Tr chuyển cho H1 02 lần vào các ngày 26/9/2013, 20/12/2013 mỗi lần 10.000.000 đồng thông qua tài khoản của Nguyễn Thị Thanh D mở tại Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển Nông thôn Agribank, Phòng giao dịch Nha Trang, Khánh Hòa (do H1 không có tài khoản ở ngân hàng nên mượn tài khoản của Nguyễn Thị Thanh D, D không liên quan đến việc này). Tổng cộng H, H1 đã nhận đủ 150.000.000 đồng của chị Tr. Sau khi nhận tiền H, H1 không thực hiện công

việc như đã thỏa thuận với chị Tr, anh U mà sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân. Tháng 9/ 2015, L1 có quyết định xuất ngũ.

Các chứng từ liên quan đến giao dịch phát sinh đối với tài khoản của Hà Thị Minh H, số tài khoản 4706205062281 mở tại Agribank chi nhánh huyện Cam Lâm, Khánh Hòa xác định có 03 lần người nộp tiền vào tài khoản, có tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, tổng số tiền 110.000.000 đồng.

Các chứng từ liên quan đến giao dịch phát sinh đối với tài khoản của bà Nguyễn Thị Thanh D, số tài khoản 4708205006512 mở tại Agribank Chi nhánh Chợ xóm Mới, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa, xác định có 02 lần người nộp tiền vào tài khoản mang tên là Nguyễn Thị Ngọc Tr, tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án quân sự Khu vực 2, Quân khu 5 quyết định:

Về Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh H1, Hà Thị Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999 đối với hai bị cáo Nguyễn Thanh H1 và Hà Thị Minh H;

Áp dụng các điểm o, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999 đối với Nguyễn Thanh H1; áp dụng điểm l khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Hà Thị Minh H. Xử phạt các bị cáo: Hà Thị Minh H 02 (hai) năm tù; Nguyễn Thanh H1 15 (mười lăm) tháng tù.

Ngoài ra, Bản án Quyết định về bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, bị cáo Hà Thị Minh H kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 11/01/2019; với lý do Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5 xét xử không đúng pháp luật; bị cáo bị xét xử oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo H khai báo: Năm 2012, vợ chồng bị cáo có quen biết Trần Thành L1; vợ chồng bị cáo có xin cho L1 làm bảo vệ tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2013, vợ chồng chị Tr anh U là ba mẹ của L1 có vào nhà vợ chồng bị cáo, gia đình bị cáo có tổ chức bữa cơm gồm vợ chồng bị cáo, vợ chồng chị Tr anh U và 02 em L1, H2. Tại bữa cơm bị cáo có nói: Vợ chồng H có nhiều mối quan hệ quen biết có thể lo cho L1 đi nghĩa vụ quân sự, sau đó đi học Trường Trung cấp Hải quân, chi phí quan hệ là 150.000.000 đồng, đưa trước một nửa, sau khi nhập học thì đưa hết số tiền còn lại. Bị cáo nhận 20.000.000 đồng và ghi số tài khoản của mình cho chị Tr; trong các ngày 17/6/2013; 20/8/2013; 14/10/2013, chị Tr có gửi cho bị cáo 03 lần tiền vào tài khoản với số tiền là 110.000.000 đồng.

Bị cáo cho rằng: Bị cáo hoàn toàn tin vào khả năng của H1 có thể làm được, nên đã hứa với ba mẹ L1. Số tiền 130.000.000 đồng, bị cáo đã đưa cho H1; bị cáo không chiếm đoạt tiền của vợ chồng chị Tr.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc Tr khai báo với nội dung: Vì tin tưởng vợ chồng bị cáo H, H1 có thể lo cho con trai tôi là Trần Thành L1 đi nghĩa vụ quân sự và sau

đó học Trường Trung cấp Hải quân để phục vụ lâu dài trong Quân đội. Vợ chồng chúng tôi đồng ý bỏ ra 150.000.000 đồng, để chi phí quan hệ theo yêu cầu của vợ chồng H H1.

Nguyễn Thanh H1 khai báo với nội dung: Bị cáo H biết rõ tôi không có khả năng lo cho L đi học Trường Trung cấp Hải quân để phục vụ lâu dài trong Quân đội. Vì, thời gian trước đó, bị cáo H đã từng chứng kiến tôi gian dối hứa với anh L2 và T1 lo cho con, cháu họ vào học tại trường Trung cấp Hải quân, thực tế là tôi không lo được, bố mẹ tôi đã phải trả lại tiền cho gia đình họ. Khi vợ chồng chị Tr vào nhà tôi, tại bữa cơm H là người trực tiếp thuyết phục vợ chồng chị Tr và luôn được tôi nhất trí đồng tình. Vợ chồng chị Tr đã đưa cho vợ chồng bị cáo 150.000.000 đồng là đúng.

Tranh luận tại phiên tòa, sau khi phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

Bị cáo H đã lợi dụng lòng tin của vợ chồng chị Tr anh U, đã đưa ra thông tin không đúng sự thật là có thể lo cho cháu L1 được phục lâu dài trong quân đội. Để củng cố lòng tin, vợ chồng bị cáo hướng dẫn L1 cắt khâu ở Quảng Nam, nhập vào gia đình bị cáo tại Khánh Hòa, làm thủ tục nhập ngũ, sau đó vợ chồng bị cáo không thực hiện thêm bất cứ việc gì; vợ chồng bị cáo đã nhận đủ 150.000.000 đồng theo thỏa thuận. Tòa án quân sự khu vực 2, Quân khu 5, xét xử Hà Thị Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999; xử phạt Hà Thị Minh H 02 (hai) năm tù là có căn cứ, xem xét toàn diện, đầy đủ quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận việc nhận tiền của vợ chồng chị Tr để lo cho L1 đi nghĩa vụ quân sự, sau đó đi học Trường Trung cấp Hải quân. Nhưng bị cáo cho rằng, hoàn toàn tin vào khả năng của H1 có thể làm được, nên đã hứa với ba mẹ L1. Số tiền 130.000.000 đồng, bị cáo đã đưa lại theo yêu cầu của H1. Bị cáo đã khai nhận hành vi của mình, nhưng không nhận thức đó là hành vi phạm tội; hành vi khai báo của bị cáo thể hiện tính thành khẩn. Về hoàn cảnh của bị cáo H hiện nay không có việc làm, một mình nuôi 02 con nhỏ (01 con chung và 01 con riêng); có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999; Điều 65 BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng. Căn cứ khoản 1 điều 55, khoản 1 Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt tù đối với Nguyễn Thanh H1.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị Minh H thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đề nghị HĐXX, cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo hiện nay không có việc làm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình nuôi 02 con nhỏ. Nhất trí như quan điểm của kiểm sát viên.

Tranh luận tại phiên tòa của người bào chữa: Nhất trí quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX, xem xét đến hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện bị cáo không có việc làm, nuôi 02 con nhỏ; xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại Tr xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng treo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận về lỗi phạm của mình, mong HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, để có điều kiện nuôi 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Hà Thị Minh H là hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi nhận tiền để xin việc cho L1 là vi phạm pháp luật; nhưng do tin vào khả năng của H1 có thể lo được, nên bị cáo đã thuyết phục vợ chồng chị Tr cố gắng bỏ ra 150.000.000 đồng. Số tiền 130.000.000 đồng bị cáo nhận đã đưa hết cho H1, bị cáo cho rằng không phạm tội.

Lời khai của bị hại và bị cáo Nguyễn Thanh H1 phù hợp với những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Hà Thị Minh H, dù biết bị cáo H1 không có khả năng lo cho Trần Thành L1, nhưng H vẫn cùng H1 khẳng định với vợ chồng chị Tr: Vợ chồng H có nhiều mối quan hệ quen biết có thể lo cho L1 đi nghĩa vụ quân sự, sau đó đi học Trường Trung cấp Hải quân nhưng tiền chi phí quan hệ là 150.000.000 đồng. Hành vi gian dối của H, H1 với mục đích làm cho vợ chồng chị Tr tin tưởng và đã giao 150.000.000 đồng theo yêu cầu vợ chồng bị cáo. HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa, sau khi Kiểm sát viên trình bày quan điểm về giải quyết vụ án, bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX, xem xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, một mình nuôi 02 con nhỏ, cho bị cáo được hưởng án treo. HĐXX xét thấy, căn cứ điều 342 Bộ luật Tố tụng Hình sự, nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

Xem xét khách quan toàn diện vụ án, HĐXX xét thấy: Căn cứ tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bản án hình sự sơ thẩm quyết định, xử phạt 24 tháng tù đối với bị cáo Hà Thị Minh H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhưng cho rằng hành vi đó không vi phạm pháp luật, là do nhận thức pháp luật của bị cáo hạn chế; hành vi khai báo của bị cáo thể hiện tính thành khẩn. HĐXX xét thấy, đủ căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 cho bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, nhân

thân chưa có tiền án tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo bị cáo được hưởng án treo; hoàn cảnh bị cáo một mình nuôi 02 con nhỏ (Sinh năm 2010 và 2019), không có việc làm ổn định; có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương nơi cư trú, đồng thời ấn định cho bị cáo một thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

HĐXX chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo. Áp dụng điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 2 Điều 139; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999, Điều 65 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS, giữ nguyên mức hình phạt 24 tháng tù, chuyển biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2016/HSST ngày 15/01/2016 của Tòa án quân sự Quân khu 5, quyết định: Xử phạt Nguyễn Thanh H1 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 26/10/2015. Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 11/01/2019 của Tòa án quân sự khu vực 2, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H1 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999, nhưng không tổng hợp hình phạt tù là thiếu. HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 BLHS năm 2015 để tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Thanh H1.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên Hà Thị Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 260, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Hà Thị Minh H tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5. Nay tuyên:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 BLHS năm 1999; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Thị Minh H 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Hà Thị Minh H cho Ủy ban nhân dân phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 BLHS năm 2015 để tổng hợp hình phạt của 02 bản án đối với bị cáo Nguyễn Thanh H1 là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, tính từ ngày tạm giam 26/10/2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Hà Thị Minh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSQS QK5, THAHSQK5;
- Phòng THA QK5;
- Trại giam QS KVMT;
- VKSQS KV53;
- Tòa KV2 (02B);
- CQĐT HS KV3 QK5;
- Bị cáo; Luật sư; Bị hại;
- Lưu: HS, Tiểu HS. H14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

2// Bùi Đình Tráng